TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-PT

Ngày 09 - 3 - 2020

V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn.

Các Thẩm phán: Ông H Hữu Khoa.

Ông Đặng Phi Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐ-PT ngày 11/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T.

Địa chỉ: Tổ 24, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N.

Địa chỉ: Tổ 2, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 18/11/2017, ông Nguyễn Văn T có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trí Nông G vay số tiền 880.000.000 đồng, việc vay tiền được lập thành hợp đồng và có người làm chứng là ông Lê Quốc H. Trong hợp đồng thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 10/11/2018 trả cả gốc và lãi, lãi suất là 10%/năm. Tuy nhiên đến hạn trả nợ ông Nguyễn Trí Nông G và bà Nguyễn Thị N không thanh toán trả nợ cho ông Nguyễn Văn T cả số tiền gốc và tiền lãi, mà chỉ trả được số tiền lãi là 2.000.000 đồng. Vì vậy ông T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trí Nông G phải trả cho ông số tiền gốc là 880.000.000 đồng và tiền lãi là 129.000.000 đồng. Tổng cổng cả tiền gốc và tiền lãi là 1.009.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Do có quan hệ quen biết nhau từ trước, vào tháng 5/2016 bà có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 ngày/1.000.000 đồng. Khi vay không làm hợp đồng vay tiền mà anh Trung chuyển tiền cho bà bằng ủy nhiệm chi qua ngân hàng. Số tiền bà N vay anh Trung để đầu tư làm ăn riêng, số tiền này không liên quan gì đến chồng bà là ông Nguyễn Trí Nông G. Từ thời điểm vay bà đã trả tiền lãi cho ông T (chuyển qua tài khoản của ông T) được khoảng 100.000.000 đồng. Khoảng tháng 8/2017, bà không có tiền trả gốc và lãi cho ông T nên ngày 18/11/2017 ông T đã đến nhà và ép bà phải viết giấy vay nợ, ký nhận số tiền vay là 880.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 10%/năm. Đến nay, ông T khởi kiện bà ra Tòa án, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà phải trả số tiền 1.009.000.000 đồng cả tiền gốc và tiền lãi, bà không nhất trí.

Bản án số 09/2019/DS-ST ngày 30/11/2019 của TAND huyện S, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Khoản 1 Điều 227; Điều 246; Điều 273; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 466; Điều 463; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Luật án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền gốc và lãi là 1.009.000.000 đồng. Trong đó 880.000.000 đồng tiền gốc vay theo hợp đồng vay tiền mặt và 129.000.000 đồng tiền lãi suất.

Ngoài ra bản án còn tuyên về tiền lãi chậm trả, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09/12/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh

Lào Cai. Yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết xem xét lại số tiền nợ gốc và khoản tiền lãi phát sinh được tính từ tháng 8/2017 đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị N giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T giữ nguyên nội dung khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 30/11/2019 của TAND huyện S, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N có đầy đủ các nội dung theo mẫu đơn, nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên được xác định là hợp lệ.

[3] Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thì ông T có cho bà N vay tiền bằng hình thức chuyển khoản như sau: Ngày 11/5/2016, ông T có nhờ bà Nguyễn Hoa L chuyển khoản cho bà N số tiền 550.000.000 đồng. Ngày 18/5/2016, ông T tiếp tục chuyển khoản cho bà N số tiền 200.000.000 đồng. Khi đến thời hạn trả nợ, bà N không thanh toán được nợ nên ông T đã lập giấy vay tiền của hai khoản tiền chuyển khoản và khoản tiền bà N còn nợ ông T trước đó (là tiền lãi phải trả cho Ngân hàng vì tiền ông T cho bà N vay là do ông T vay Ngân hàng, bà N và ông T thỏa thuận khoản lãi Ngân hàng là do bà N phải trả), cộng lại thành 880.000.000đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 10%/năm, thời hạn thanh toán đến ngày 10/11/2018. Trong giấy vay tiền có chữ ký của người vay là bà

Nguyễn Thị N, người cho vay ông Nguyễn Văn T và ông Lê Quốc H ký là người làm chứng.

Bà N cho rằng thực tế ông T không cho bà vay số tiền 880.000.000 đồng mà khoảng tháng 5/2016, ông T cho bà vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 ngày/1.000.000 đồng, khi vay không làm hợp đồng mà ông T chuyển tiền bằng ủy nhiệm chi tại ngân hàng. Từ thời điểm vay bà đã trả tiền lãi cho ông T (chuyển qua tài khoản của ông T) được khoảng 100.000.000 đồng. Khoảng tháng 8/2017, bà không có tiền trả gốc và lãi cho ông T nên ngày 18/11/2017, ông T đã đến nhà bà và ép bà phải viết giấy vay nợ và ký nhận số tiền vay là 880.000.000 đồng. Điều này mâu thuẫn với lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Hoa L và ông Lê Quốc H. Lời khai trong hồ sơ vụ án của bà Nguyễn Hoa L thể hiện: Bà L có quan hệ hàng xóm, quen biết với ông Nguyễn Văn T, còn bà Nguyễn Thị N thì bà L không biết, không có quan hệ gì. Ngày 11/5/2016, ông T có nhờ bà L chuyển hộ số tiền 550.000.000 đồng vào một tài khoản tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, sau đó ông T nhắn số tài khoản và tên chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị N cho bà L và bà L đã chuyển số tiền đó hộ ông T. Lời khai của bà L phù hợp với lời khai của bà N vì tại phiên tòa sơ thẩm bà N có khai là không có quan hệ gì với bà L. Việc bà L chuyển số tiền 550.000.000 đồng hộ ông T vào tài khoản của bà N còn được thể hiện tại chứng cứ là sổ phụ của ngân hàng do chính bà N cung cấp cho Tòa án. Lời khai trong hồ sơ vụ án của ông Lê Quốc H thể hiện: Ông H là hàng xóm, có quan hệ quen biết với ông Nguyễn Văn T, ông H không có quan hệ gì với bà Nguyễn Thị N. Ông T có nhờ ông H lái xe chở ông T đi S để giải quyết một số công việc cá nhân. Khi vào nhà bà N thì bà N đã viết sẵn giấy vay tiền và bảo ông T đọc và ký, khi đó bà N có nói với ông H là đi cùng ông T thì ký làm chứng trong giấy vay tiền luôn và ông H đã ký. Ông H có nghe thấy ông T và bà N nói chuyện với nhau về các khoản tiền cho vay đã chuyển khoản qua Ngân hàng trước đó và một số khoản vay khác. Giữa ông T và bà N vẫn nói chuyện vui vẻ với nhau, không có việc bà N bị ép buộc hay đe dọa để ký vào giấy vay tiền.

Trong đơn kháng cáo và các tài liệu, chứng cứ bà N đã nộp kèm theo thể hiện: Bà N cho rằng chỉ vay ông T số tiền 200.000.000 đồng từ tháng 5/2016 với lãi xuất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày và đã trả tiền lãi hàng tháng đầy đủ vào tài khoản của ông T từ khi vay đến tháng 7/2017. Vì vậy khoản tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và khoản tiền lãi của số tiền gốc phải được tính từ tháng 8/2017 đến nay. Tuy nhiên, các Giấy nộp tiền mà bà N cung cấp thể hiện thời điểm bà N chuyển tiền cho ông T theo các Giấy nộp tiền là ngày 03/9/2013, 21/8/2013, 16/01/2014, 19/9/2014 là thời điểm giữa bà N và ông T chưa xác lập giao dịch vay tiền theo giấy vay tiền được hai bên ký kết ngày 18/11/2017. Vì vậy, những chứng cứ này không có giá trị pháp lý để chứng minh cho việc bà N có thanh toán tiền lãi cho ông T theo giấy vay tiền ngày 18/11/2017.

[4] Về người tham gia tố tụng trong vụ án: Trong giấy vay tiền ngày 18/11/2017 chỉ có bà N ký tên người vay, không có chữ ký của ông Nguyễn Trí Nông G. Bà N và ông G đều trình bày, ông G không liên quan đến khoản vay

này. Ngoài ra, không có chứng cứ chứng minh việc bà N sử dụng khoản tiền vay vào mục đích chung của gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông G vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên thấy rằng giao dịch vay tiền giữa bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Văn T theo Giấy vay tiền ngày 18/11/2017, số tiền vay 880.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/năm là hoàn toàn tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thỏa thuận về số tiền vay, thời hạn trả nợ, lãi suất là phù hợp với các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị N không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm 09/2019/DS-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 227, Điều 246, Điều 273, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 466, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền gốc và lãi là 1.009.000.000 đồng. Trong đó 880.000.000đồng tiền gốc vay theo hợp đồng vay tiền mặt và 129.000.000 đồng tiền lãi suất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị N không thi hành xong khoản tiền phải trả trên thì hàng tháng bà Nguyễn Thị N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 42.270.000đồng *(Bốn mươi hai triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng)*

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.013.500 đồng (*Hai mươi mốt triệu không*

trăm mười ba ngàn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S theo biên lai số 0000719 ngày 17/7/2019.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AC/2012/0000782 ngày 11/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Toàn